Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 4820.90.00

Mã HS	4820.90.00
Mô tả hàng hóa	Sổ đăng ký, sổ sách kế toán, vở ghi chép, sổ đặt hàng, quyển biên lai, tập viết thư, tập ghi nhớ, sổ nhật ký và các ấn phẩm tương tự, vở bài tập, quyển giấy thấm, bìa đóng hồ sơ (loại tờ rời hoặc loại khác), bìa kẹp hồ sơ, vỏ bìa kẹp hồ sơ, biểu mẫu thương mại các loại, tập giấy ghi chép có chèn giấy than và các vật phẩm văn phòng khác, bằng giấy hoặc bìa; album để mẫu hoặc để bộ sưu tập và các loại bìa sách, bằng giấy hoặc bìa / - Loại khác
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	03/11/2026 11:21:04
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/48209000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	37.5	37,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K7685
Thuế NK ưu đãi (MFN)	25	25%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N7685
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q7685
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0 (-KH, CN)	0% (trừ KH, CN)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	3,1	3,1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	3,1	3,1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	14.3	14,3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	25	25%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

RCEP (Phụ lục B)	25	25%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	25	25%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	25	25%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	25	25%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AHKFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
RCEP (Phụ lục C)	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E7413
ATIGA	2022	2022	0	AT!E7366
ATIGA	2023	2023	0	AT!F7366
ATIGA	2024	2024	0	AT!G7366
ATIGA	2025	2025	0	AT!H7366
ATIGA	2026	2026	0	AT!I7366
ATIGA	2027	2027	0	AT!J7366
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	AJ!E7416
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F7416
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G7416
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H7416

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I7416
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J7416
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E7417
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F7417
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G7417
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H7417
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I7417
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J7417
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F7418
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H7372
AIFTA	30/12/2022	2022	5	AI!F7380
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	5	AI!G7380
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	5	AI!H7380
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	5	AI!I7380
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	5	AI!J7380
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	5	AI!K7380
VKFTA	2022	2022	0	VK!E7402
VKFTA	2023	2023	0	VK!F7402
VKFTA	2024	2024	0	VK!G7402
VKFTA	2025	2025	0	VK!H7402
VKFTA	2026	2026	0	VK!I7402
VKFTA	2027	2027	0	VK!J7402
VCFTA	2022	2022	5	VC!D7448
VCFTA	2023	2023	3	VC!E7448
VCFTA	2024	2024	0	VC!F7448
VCFTA	2025	2025	0	VC!G7448

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H7448
VCFTA	2027	2027	0	VC!I7448
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D7428
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E7428
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F7428
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G7428
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H7428
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I7428
AHKFTA	2022	2022	*	AKH!D7441
AHKFTA	2023	2023	*	AKH!E7441
AHKFTA	2024	2024	*	AKH!F7441
AHKFTA	2025	2025	*	AKH!G7441
AHKFTA	2026	2026	*	AKH!H7441
AHKFTA	2027	2027	*	AKH!I7441
EVFTA	2022	2022	15,6	EV-NK!D7445
EVFTA	2023	2023	12,5	EV-NK!E7445
EVFTA	2024	2024	9,3	EV-NK!F7445
EVFTA	2025	2025	6,2	EV-NK!G7445
EVFTA	2026	2026	3,1	EV-NK!H7445
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I7445
UKVFTA	2022	2022	15,6	UKV!D7446
UKVFTA	2023	2023	12,5	UKV!E7446
UKVFTA	2024	2024	9,3	UKV!F7446
UKVFTA	2025	2025	6,2	UKV!G7446
UKVFTA	2026	2026	3,1	UKV!H7446
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I7446

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D7396
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E7396
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F7396
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G7396
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H7396
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I7396
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J7396
RCEP A	2022	2022	25	RCEPT-A!D7433
RCEP A	2023	2023	25	RCEPT-A!E7433
RCEP A	2024	2024	25	RCEPT-A!F7433
RCEP A	2025	2025	25	RCEPT-A!G7433
RCEP A	2026	2026	25	RCEPT-A!H7433
RCEP A	2027	2027	25	RCEPT-A!I7433
RCEP B	2022	2022	25	B!D7433
RCEP B	2023	2023	25	B!E7433
RCEP B	2024	2024	25	B!F7433
RCEP B	2025	2025	25	B!G7433
RCEP B	2026	2026	25	B!H7433
RCEP B	2027	2027	25	B!I7433
RCEP C	2022	2022	*	C!D7433
RCEP C	2023	2023	*	C!E7433
RCEP C	2024	2024	*	C!F7433
RCEP C	2025	2025	*	C!G7433
RCEP C	2026	2026	*	C!H7433
RCEP C	2027	2027	*	C!I7433
RCEP D	2022	2022	25	D!D7433

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	25	D!E7433
RCEP D	2024	2024	25	D!F7433
RCEP D	2025	2025	25	D!G7433
RCEP D	2026	2026	25	D!H7433
RCEP D	2027	2027	25	D!I7433
RCEP E	2022	2022	25	E!D7436
RCEP E	2023	2023	25	E!E7436
RCEP E	2024	2024	25	E!F7436
RCEP E	2025	2025	25	E!G7436
RCEP E	2026	2026	25	E!H7436
RCEP E	2027	2027	25	E!I7436
RCEP F	2022	2022	25	F!D7433
RCEP F	2023	2023	25	F!E7433
RCEP F	2024	2024	25	F!F7433
RCEP F	2025	2025	25	F!G7433
RCEP F	2026	2026	25	F!H7433
RCEP F	2027	2027	25	F!I7433
VIFTA	2024	2024	21.4	VI!F6876
VIFTA	2025	2025	17.9	VI!G6876
VIFTA	2026	2026	14.3	VI!H6876
VIFTA	2027	2027	10.7	VI!I6876

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	RCEP (Phụ lục A) 25%, RCEP (Phụ lục B) 25%, RCEP (Phụ lục D) 25%, RCEP (Phụ lục E) 25%, RCEP (Phụ lục F) 25%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (25%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 25%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 4820.90.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 25% của mã 4820.90.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N7685), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.